TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 11 tháng 8 năm 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Thế Chiến và ông Đặng Văn Sơn.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà HĐơk Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Tuấn A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Buôn K, xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:* Chị và anh Vũ Tuấn A tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 2010, đến ngày 28/3/2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã D. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống thuận hòa hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, anh Tuấn A có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát lẫn nhau. Chị đã nhiều lần tha thứ cho anh A để giữ hạnh phúc gia đình, nhưng anh A vẫn không thay đổi. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2024

đến nay. Chị T xét thấy không còn tình cảm với anh Tuấn A nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Tuấn A.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh Vũ Tuấn A có 02 con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 02/3/2011 và cháu Vũ Đ, sinh ngày 24/11/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T đang làm việc tại Công ty TNHH M, thu nhập hàng tháng từ 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng nên đảm bảo việc nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

** Bị đơn anh Vũ Tuấn A đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, không có mặt theo giấy triệu tập để làm việc.*

Tại phiên tòa đại diện VKSND nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Bị đơn cư trú tại buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk nên Toà án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn chị Phạm Thị T, bị đơn anh Vũ Tuấn A là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không thực hiện các quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T ly hôn anh Vũ Tuấn A.

Về con chung: Chị T và anh Vũ Tuấn A có 02 con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 02/3/2011 và cháu Vũ Đ, sinh ngày 24/11/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T đang làm việc tại Công ty TNHH M, thu nhập hàng tháng 10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng nên đảm bảo việc nuôi dưỡng các con. Nguyện vọng của con chung muốn được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung dưới 18 tuổi nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung và nợ: Các đương sự không có tài sản chung, không có nợ nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Vũ Tuấn A và xin nuôi con. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn anh Vũ Tuấn A có địa chỉ cư trú tại Buôn K, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 - Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Vũ Tuấn A đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị T và anh Vũ Tuấn A có đăng ký kết với nhau vào ngày 28/3/2011 tại UBND xã D, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng. Nay chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Tuấn A.

Xác minh tại ban tự quản buôn K, đại diện ban tự quản cho biết chị T và anh Vũ Tuấn A có hộ khẩu tại địa phương, giữa anh chị có mâu thuẫn như thế nào thì ban tự quản không biết vì anh chị không có đơn từ, báo cáo gì. Nay chị T có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Tuấn A xảy ra mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng và kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh Vũ Tuấn A là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Chị T và Anh Vũ Tuấn A có 02 con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 02/3/2011 và cháu Vũ Đ, sinh ngày 24/11/2014. Khi ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị T đang làm việc tại Công ty TNHH M, thu nhập hàng tháng khoảng

10.000.000 đồng – 12.000.000 đồng nên đảm bảo việc nuôi dưỡng các con. Nguyện vọng của con chung muốn được ở với mẹ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của con chung dưới 18 tuổi nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung, có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

[3.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[3.4] Về nợ: Các đương sự không có nợ chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật dân sự, Đ1 a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 08732 ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T.

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Vũ Tuấn A.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Vũ Ngọc L, sinh ngày 02/3/2011 và Vũ Đ, sinh ngày 24/11/2014 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ tại biên lai tạm ứng án phí số 08732 ngày 27/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Ana.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã Ea Na;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐTTANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Đình Tuyên